

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30-12-2025

V/v *Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thúy Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vy Thị Thơm và bà Chu Mai Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Vy Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5
- Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên
toà:** Ông Triệu Trung Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 69/2025/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2025; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: 29/2025/HNGĐST-QĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đồng Thị L, sinh năm 1997; số CCCD: 020197001171, cấp ngày 29/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: Thôn N, xã X, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ liên hệ: Phố B, xã N, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lý Văn Q, sinh năm 1995; số CCCD: 020095001776, ngày cấp 16/7/2024; nơi cấp: Bộ C; nơi cư trú: Thôn N, xã X, tỉnh Lạng Sơn. có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Lý Văn N, sinh năm 1993; số CCCD: 020093000106, cấp ngày 18/02/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: Thôn N, xã X, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Nông Thị L1, sinh năm 1975; số CCCD: 020175007703, cấp ngày 27/6/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: Phố B, xã N, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 22/10/2025, bản khai, ý kiến trình bày tiếp theo, nguyên đơn chị Đồng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị L tự nguyện kết hôn với anh Lý Văn Q năm 2016, trước khi kết hôn hai người có thời gian tự tìm hiểu, yêu nhau được khoảng 02 năm, được hai gia đình tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 10/02/2017 (nay là UBND xã X, tỉnh Lạng Sơn). Sau kết hôn chị về chung sống bên nhà chồng được 03 năm thì vợ chồng khác ra ở riêng. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng bình thường, không có mâu thuẫn lớn xảy ra, Đến tháng 3, tháng 4 năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống, tính cách không phù hợp do anh Lý Văn Q mải chơi, không chịu tu chí làm ăn, có uống rượu chè, khi đi làm thuê có tiền thì anh không đóng góp cho gia đình vợ con mà tự ý chi tiêu cho bản thân, vợ và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không cải thiện được. Đến tháng 6 năm 2022 vợ chồng chị đã sống ly thân, chị đã về bên nhà ngoại tại khu phố B, thị trấn N sinh sống, còn anh Lý Văn Q sống cùng 2 con và ở gần nhà với mẹ đẻ. Từ khi ly thân, cả hai không còn quan tâm, thăm hỏi, liên lạc gì đến nhau. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Lý Thị Thanh T, sinh ngày 18/7/2017 và cháu Lý Thành T1, sinh ngày 18/01/2020. Khi ly hôn chị có yêu cầu anh Lý Văn Q chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Đồng Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/01 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng trước ngày 30 hàng tháng, chị không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Do bận công việc, chị Đồng Thị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn anh Lý Văn Q đều vắng mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên toà, anh Lý Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh tự nguyện kết hôn với chị Đồng Thị L, trước khi cưới hai người có thời gian tự tìm hiểu, yêu nhau được khoảng 02 năm, được hai gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 10/02/2017 (nay là UBND xã X, tỉnh Lạng Sơn). Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm, tính cách của vợ chồng không hoà hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh thỉnh thoảng có đi uống rượu. Đến tháng 5 năm 2022 âm lịch vợ chồng anh đã sống ly thân, từ khi ly thân cả hai không quan tâm thăm hỏi đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Đồng Thị L yêu cầu giải quyết ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lý Thị Thanh T, sinh ngày 18/7/2017 và Lý Thành T1, sinh ngày 18/01/2020. Khi ly hôn anh yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Yêu cầu chị Đồng Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/01 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng trước ngày 30 hàng tháng, chị Đồng Thị L không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Hiện 02 con đang chung sống cùng anh và bà nội, anh đi làm có thu nhập, vẫn về thăm, chăm sóc các con, có bà nội hỗ trợ chăm sóc các cháu khi anh đi làm. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai của cháu Lý Thị Thanh T trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn con muốn được sống cùng mẹ là Đồng Thị L.

Người làm chứng anh Lý Văn N (anh trai của anh Lý Văn Q) trình bày: Anh là anh trai ruột của anh Lý Văn Q, anh sống gần nhà của Lý Văn Q. Hai em tự nguyện kết hôn, sau kết hôn vợ chồng hai em ở chung với mẹ đẻ của anh cho đến nay. Anh thấy vợ chồng Lý Văn Q và Đồng Thị L vẫn chung sống bình thường, thỉnh thoảng cũng có vài lần xảy ra cãi nhau, do không thống nhất được các vấn đề làm ăn, về điều kiện kinh tế gia đình. Từ khoảng năm 2022 chị Đồng Thị L đi làm Công ty ở Bắc Giang ít về nhà, không còn quan tâm đến gia đình chồng và các con, khi được nghỉ chị Đồng Thị L cũng chỉ về nhà mẹ đẻ ở N, việc vợ chồng hai em xảy ra mâu thuẫn hai bên nội ngoại có biết và khuyên giải nhưng không được. Đến nay, việc ly hôn hay đoàn tụ là do hai em tự quyết định. Em trai Lý Văn Q đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập của Tòa án, đã biết việc Đồng Thị L yêu cầu ly hôn nhưng do bận công việc làm ăn nên không thể tham gia tố tụng tại Tòa án. Lý Văn Q đi làm, có lúc không ở nhà nên anh sẽ nhận thay và cam đoan giao, thông tin các văn bản tố tụng của Tòa án cho Lý Văn Q.

Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 05/12/2025, bà Nông Thị L1 (mẹ đẻ của Đồng Thị L) trình bày: Bà là mẹ đẻ của Đồng Thị L, là mẹ vợ của Lý Văn Q. Bà không có mâu thuẫn, thù hằn gì với hai con.

Về quan hệ hôn nhân: Đồng Thị L tự nguyện kết hôn với Lý Văn Q, có thời gian tự tìm hiểu, yêu nhau, được hai gia đình cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu bình thường, đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Lý Văn Q mãi chơi, không tu trí làm ăn, đi làm có tiền không phụ giúp cho vợ con, tự ý chi tiêu cho bản thân mà không quan tâm đến gia đình vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng gia đình hai bên nội ngoại có biết, có khuyên giải nhưng không được. Đến tháng 6/2022 vợ chồng hai con đã sống ly thân, con gái bà về nhà ngoại tại xã N sống, còn Lý Văn Q sống tại xã X. Sau khi hai vợ chồng ly thân, bà không thấy Lý Văn Q có tác động, động thái gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà thấy vợ chồng không có khả năng đoàn tụ được, đến nay ly hôn hay đoàn tụ là do hai con tự quyết định. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Bà được biết Đồng Thị L yêu cầu Lý

Văn Q nuôi 02 con chung, Đồng Thị L cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Do bận công việc bà đề nghị Toà án không triệu tập bà tham gia tố tụng nữa.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tại phiên họp vắng mặt anh Lý Văn Q, chị Đồng Thị L đã có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Đồng Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lý Văn Q đã có mặt tại phiên tòa. Người làm chứng bà Nông Thị L1 đã có lời khai, có ý kiến đề nghị không triệu tập tham gia tố tụng. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Chị Đồng Thị L và anh Lý Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 10/02/2017 (nay là UBND xã X, tỉnh Lạng Sơn). Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng anh chị chung sống một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, từ năm 2022 vợ chồng đã sống ly thân đến nay, trong thời gian ly thân cả hai không ai quan tâm hỏi han đến nhau. Xét thấy cuộc hôn nhân của anh chị đến nay đã không còn tình cảm, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Đồng Thị L được ly hôn với anh Lý Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lý Thị Thanh T, sinh ngày 18/7/2017 và Lý Thành T1, sinh ngày 18/01/2020. Tại phiên tòa anh Lý Văn Q yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp với ý kiến của chị Đồng Thị L cũng có yêu cầu anh Lý Văn Q được chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị giao 02 con chung cho anh Lý Văn Q nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con anh Lý Văn Q yêu cầu chị Đồng Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/01 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng trước ngày 30 hàng tháng, chị Đồng Thị L không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Căn cứ Điều 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Toà án xem xét chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Đồng Thị L phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí

cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đồng Thị L vắng mặt tại phiên tòa, hồ sơ thể hiện đã có lời khai, có đơn xin xét xử vắng mặt. Người làm chứng bà Nông Thị L1 đã có lời khai, có ý kiến đề nghị không triệu tập tham gia tố tụng. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự, người làm chứng nêu trên.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Bị đơn anh Lý Văn Q, cư trú tại: Thôn N, xã X, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị L và anh Lý Văn Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 10/02/2017 (nay là UBND xã X, tỉnh Lạng Sơn). Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2020 đến nay do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Cả hai đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, từ khi sống ly thân cả hai không còn liên lạc, không quan tâm nhau nữa khiến cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Đồng Thị L và anh Lý Văn Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Đồng Thị L là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Đồng Thị L và anh Lý Văn Q có 02 con chung là cháu Lý Thị Thanh T, sinh ngày 18/7/2017 và Lý Thành T1, sinh ngày 18/01/2020. Xét thấy, tại phiên tòa anh Lý Văn Q yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là phù hợp với ý kiến của chị Đồng Thị L, anh Lý Văn Q đi làm có thu nhập, vẫn về thăm, chăm sóc các con, ngoài ra có bà nội (mẹ đẻ) sẽ hỗ trợ cùng anh chăm sóc các cháu khi anh Lý Văn Q đi làm. Để tránh xáo trộn cuộc sống của các con, đảm bảo sự phát triển đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em, xét điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung và sự hỗ trợ của bà nội, tiếp tục giao 02 con chung cho anh Lý Văn Q nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lý Văn Q yêu cầu chị Đồng Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/01 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng trước ngày 30 hàng tháng, chị Đồng Thị L không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Yêu cầu của anh Lý Văn Q là phù hợp với lời khai của chị Đồng Thị L được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Đồng

Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Đồng Thị L thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đồng Thị L, anh Lý Văn Q đều trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Đồng Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đồng Thị L được ly hôn với anh Lý Văn Q. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 01, đăng ký ngày 10/02/2017 tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là UBND xã X, tỉnh Lạng Sơn).*)

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lý Thị Thanh T, sinh ngày 18/7/2017 và Lý Thành T1, sinh ngày 18/01/2020 cho anh Lý Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Đồng Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/01 tháng/01 con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng trước ngày 30 hàng tháng. Chị Đồng Thị L không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Chị Đồng Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Đồng Thị L thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Đồng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng. Tổng số tiền án phí chị L phải nộp là 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn đồng*) để nộp Ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Đồng Thị L đã nộp đủ số

tiền án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000676, ngày 27/10/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Lạng Sơn. Chị Đồng Thị L phải nộp tiếp số tiền án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 5 - Lạng Sơn;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Huyền

